

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/11/2018

Về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Minh Trinh

- Ông Nguyễn Văn Sanh

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 2, thôn T, xã M, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Trần V, sinh năm 1974.

Người đại diện theo pháp luật của ông Trần V là bà Trần S, sinh năm 1949.
(Bà S là người giám hộ cho ông V) (Có mặt)

Cùng địa chỉ: đường B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan T và ông Trần V kết hôn vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn

nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại địa chỉ đường B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V không chu cấp tiền bạc để nuôi con, không có trách nhiệm xây dựng gia đình. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm nhau. Bản thân ông V có biểu hiện bệnh tâm thần ngày càng nặng, không làm chủ được hành vi của mình. Ngày 05/9/2018 Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tuyên bố ông Trần V mất năng lực hành vi dân sự. Trên thực tế, bà T đã sống ly thân với ông V. Đến nay, bà T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, và mong muốn được Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà Phan T xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Phan P – sinh ngày 13/5/2005. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phan T xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Phan T xác định không có nợ chung.

Bà Trần S là người đại diện theo pháp luật của ông Trần V trình bày: Vì con trai bà là ông Trần V mất năng lực hành vi dân sự, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Phan T. Ông Trần V và bà Phan T có 01 con chung tên Trần Phan P – sinh ngày 13/5/2005. Khi ly hôn, bà đồng ý để bà Phan T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông Trần V không phải cấp dưỡng nuôi con. Giữa ông Trần V và bà Phan T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Phan T đối với ông Trần V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Phan T và ông Trần V kết hôn vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông V thì thấy, ngày 05/9/2018 Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tuyên bố ông Trần V mất năng lực hành vi dân sự. Trong cuộc sống hằng ngày, ông V không làm chủ được hành vi, không thể thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V. Người giám hộ đương nhiên của ông V là bà Trần S cũng đồng ý xác định tình trạng hôn nhân của ông V và bà T là mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục và đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T. Do vậy, HĐXX thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Phan T và ông Trần V có 01 con chung tên Trần Phan P – sinh ngày 13/5/2005. Xét yêu cầu của bà T về việc nuôi con thì thấy: ông V mất năng lực hành vi dân sự nên không thể nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Phan P. Hiện nay cháu P đang sống với bà T, cần tiếp tục giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cháu P có sự ổn định trong sinh hoạt, đảm bảo phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu. Do vậy, HĐXX thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu: 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan T đối với ông Trần V.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan T được ly hôn với ông Trần V.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Phan P – sinh ngày 13/5/2005 cho bà Phan T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định không có tài sản chung nên HĐXX không giải quyết.

4. Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nợ chung nên HĐXX không giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Phan T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ bà T đã nộp theo biên lai thu số 6635 ngày 23/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy